

Phần ba

ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ DƯỚI 3 TUỔI

Mục tiêu

Giúp giáo sinh lĩnh hội được một cách tổng thể đặc điểm phát triển tâm lý trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển của trẻ sơ sinh, hài nhi, ấu nhi. Trong đó giúp giáo sinh thấy rõ hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi và ảnh hưởng của nó đối với sự hình thành những nét tâm lý có tính đặc trưng của mỗi lứa tuổi đó. Hình thành cho giáo sinh những kỹ năng nhận biết, phân tích, so sánh, khái quát, đánh giá những đặc điểm và quy luật hình thành những nét tâm lý đặc trưng của mỗi lứa tuổi, qua hành vi trẻ trong hoạt động giáo dục.

Hình thành kỹ năng vận dụng những nhận thức trên vào việc thiết kế kế hoạch và tổ chức hướng dẫn hoạt động giáo dục trong chế độ sinh hoạt hàng ngày phù hợp nhất, để hoàn thiện hoạt động chủ đạo của mỗi lứa tuổi sơ sinh, hài nhi, ấu nhi khi nó còn non yếu, phát huy tối đa vai trò chủ đạo của nó trong quá trình phát triển tâm lý trẻ.

Hình thành cho giáo sinh lòng yêu trẻ, muốn gần trẻ để tìm hiểu trẻ.

Chương 12

ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM TRONG NĂM ĐẦU

Gọi là năm đầu, nhưng cái mốc chuyển giai đoạn, kết thúc lứa tuổi này là trẻ biết đi vững và nói rõ (nói được một số từ và bắt đầu ghép được ít nhất từ hai từ thành một câu ngắn).

Có thể chia lứa tuổi này thành hai giai đoạn nhỏ:

Tuổi sơ sinh: Từ lọt lòng đến khoảng 2 tháng.

Tuổi hài nhi: Từ 2 tháng đến khoảng 15 tháng. Mốc chuyển giai đoạn có thể co giãn trong khoảng từ 12 tháng đến 18 tháng.

I. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ SƠ SINH (LỌT LÒNG - 2 THÁNG)

1. Vai trò của các phản xạ không điều kiện

Từ đời sống "thực vật" trong bụng mẹ, một môi trường tương đối ổn định, đứa trẻ ra đời như đột ngột bị đẩy vào một hoàn cảnh mới mẻ của môi trường không khí với vô số kích thích của thế giới bên ngoài.

Đời sống của trẻ trong môi trường mới được bảo đảm nhờ có những cơ chế di truyền có sẵn: Hệ thống thần kinh đã sẵn sàng thích nghi với điều kiện bên ngoài, những hệ cơ quan cơ bản của cơ thể (như hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá) bắt đầu khởi động nhờ đó trong những ngày đầu tiên các phản xạ tự vệ được thực hiện, như co người lại khi bị chạm vào da, nheo mắt lại khi có ánh sáng lóe lên trước mắt v.v... để hạn chế bớt những kích thích quá mạnh của môi trường xung quanh. Bên cạnh phản xạ tự vệ, còn có phản xạ định hướng, tức là những phản ứng của trẻ hướng tới những kích thích mới lạ như quay đầu về phía có nguồn sáng mạnh hoặc nhìn theo một nguồn sáng đang chuyển động chậm. Phản xạ định hướng không phải là bẩm sinh mà nó được nảy sinh dựa trên cơ sở những phản xạ tự vệ bẩm sinh, nhờ có những kích thích của thế giới bên ngoài và đặc biệt là những tác động do người lớn tạo ra. Phản xạ định hướng là cơ sở ban đầu của hoạt động tìm tòi của trẻ. Tuy nhiên sự tìm tòi của trẻ còn bị hạn chế bởi các giác quan còn quá non nớt. So với tri giác của người lớn thì trẻ chưa thấy được nhiều, các ấn tượng bên ngoài còn mờ lung và chưa ổn định. Nhờ sự phát triển của hệ thần kinh, nhờ người lớn tổ chức và tạo ra các kích thích cho trẻ mà tâm lý của trẻ được phát triển.

Trong những ngày đầu tiên của cuộc sống trẻ đã có một số phản xạ không điều kiện giúp trẻ thích ứng với hoàn cảnh sống mới. Phản xạ thở, phản xạ mút và những phản xạ về nhiệt độ v.v... đều là những phản xạ bẩm sinh được thực hiện sau khi sinh ra. Nhờ những phản xạ này mà kiểu ăn uống, hô hấp mới phù

hợp với trẻ, trẻ thích nghi hơn với những chênh lệch của nhiệt độ. Đây là thời kỳ duy nhất trong đời sống con người mà những hành vi bản năng được biểu hiện dưới dạng thuần túy nhất để thỏa mãn những nhu cầu cơ thể. Nhưng sự thỏa mãn nhu cầu này không thể tạo ra cơ sở của sự phát triển tâm lý mà chỉ có thể bảo đảm cho sự sống còn của đứa trẻ mà thôi. Điều này khiến cho sự phát triển của trẻ khác hẳn với con vật non. Ở con vật non những phản xạ không điều kiện bảo đảm cho nó trở thành con vật lớn. Đó là những hành vi bản năng bảo đảm cho đời sống bình thường của động vật như tự vệ, săn mồi, nuôi con. Trong khi đó những phản xạ không điều kiện của đứa trẻ lại không bảo đảm được cho sự xuất hiện các hình thái hành vi của con người (như nói năng, suy nghĩ, lao động).

Như vậy, so với con vật non thì đứa trẻ yếu ớt hơn rất nhiều, vì mới sinh ra nó chưa có sẵn bất kỳ một hình thái hành vi nào của con người. Điều này tưởng là thế yếu, nhưng thực ra đây chính là thế mạnh của đứa trẻ. Tuy mới sinh ra đứa trẻ hầu như bất lực không tự phát triển được nhưng lại có *khả năng tiếp nhận kinh nghiệm và hành vi đặc biệt của con người*.

Bộ não của trẻ lúc mới sinh ra nặng khoảng 400gr (bằng 1/4 não của người lớn) số lượng tế bào thần kinh lúc lọt lòng đã đầy đủ, nhưng các sợi dây thần kinh chưa được myelin hoá, còn phải nhiễm chất myelin mới hoạt động được. Sự myelin hoá ấy tiến đến đâu thì giác quan và vận động mới phát triển đến đấy. Sự thành thục thần kinh (maturation nerveuse) là tiền đề của mọi sự phát triển, không có không được.

2. Sự nảy sinh nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng thế giới bên ngoài

Do mới sinh, hoạt động của bộ máy thị giác và thính giác còn hết sức chưa hoàn thiện nên trong tháng đầu trẻ hầu như chưa tiếp nhận kích thích từ thế giới bên ngoài, chỉ có tự cảm và nội cảm, chỉ khi nào kích thích từ bên ngoài quá mạnh mới nhận ra. (Những ánh sáng trong vùng không gian gần mới gây phản ứng nhìn, âm thanh chói tai mới gây phản ứng nghe).

Đặc điểm quan trọng của trẻ sơ sinh là thị giác và thính giác phát triển nhanh hơn các cử động của thân thể (điều này phân biệt đứa trẻ với con vật non, vì ở con vật non cử động được hoàn thiện rất sớm). Vì vậy việc nhìn và nghe hoàn thiện nhanh chóng trong những tuần lễ đầu và những tháng đầu tiên

và nhờ đó nhu cầu tiếp nhận ấn tượng thế giới bên ngoài xuất hiện, trẻ bắt đầu nhìn theo các vật di động hoặc phản ứng với những âm thanh, đặc biệt là giọng nói của người lớn và rất thích nhìn vào mặt người.

Dần dần đứa trẻ đã có thể phân biệt được các âm thanh và mùi vị khác nhau. Tiếng nói chuyện bình thường hoặc tiếng hát khe khẽ cũng làm cho trẻ chú ý. Trẻ có thể nín khóc và lắng nghe những âm thanh dịu dàng của lời ru, giọng hát của người lớn. Tiếng động mạnh hoặc ngữ điệu gay gắt của giọng nói cũng có thể làm cho trẻ sợ hãi khóc la.

Sở dĩ cơ chế nhìn và nghe được hoàn thiện sớm để tiếp nhận những ấn tượng bên ngoài là nhờ sự trưởng thành nhanh chóng của hệ thần kinh, trước hết là bộ não. Bộ não của trẻ sơ sinh có trọng lượng chỉ bằng một phần tư não của người lớn. Các tế bào thần kinh chưa phát triển đầy đủ như tế bào thần kinh của người lớn. Mặc dầu vậy, ngay trong thời kỳ mới ra đời, ở trẻ đã có thể hình thành những phản xạ có điều kiện để thiết lập mối liên hệ giữa trẻ với môi trường bên ngoài. Ngay từ những ngày đầu tiên trọng lượng của não được tăng lên, giầy thần kinh được myêlin hóa (tăng cường khả năng vận chuyển thông tin) nhờ đó việc thu nhận những ấn tượng bên ngoài được thuận lợi. Chỉ trong vài tuần lễ đầu khu vực hoạt động của thị giác trên vỏ não đã tăng lên năm mươi phần trăm.

Nhưng nếu ta nghĩ rằng sự trưởng thành của bộ não tự nó có thể bảo đảm cho sự phát triển các giác quan của trẻ thì đó là một sai lầm. Điều kiện thiết yếu để bộ não có thể phát triển bình thường là sự luyện tập các giác quan để thu nhận các tín hiệu từ thế giới bên ngoài. Nếu đứa trẻ bị giữ trong tình trạng cô lập với thế giới bên ngoài thì nó sẽ chậm phát triển một cách nghiêm trọng. Ngược lại, nếu trẻ tiếp nhận được một cách đầy đủ các ấn tượng thì phản xạ định hướng được phát triển nhanh chóng. Điều đó biểu hiện ở khả năng tập trung nhìn và nghe của trẻ vào tác động ánh sáng, màu sắc và âm thanh. Đó là cơ sở của sự phát triển tâm lý sau này. Do đó người lớn cần chú ý tạo ra và tổ chức các ấn tượng bên ngoài cho trẻ tiếp nhận, như đem đồ vật lại gần trẻ, cúi xuống trò chuyện với trẻ, phát ra các âm thanh nhẹ nhàng cho trẻ nghe v.v... để phát triển nhanh các phản xạ định hướng của trẻ vào thế giới xung quanh.

3. Nhu cầu gắn bó với người lớn và phức cảm hờn hờ

Lột lòng trẻ đã có những ứng xử làm cho người lớn, nhất là người mẹ phải quan tâm, như mút, bám núu, mỉm cười, muốn được ôm ấp vỗ về, thể hiện nhu cầu muốn gắn bó với người lớn. Phản xạ rúc đầu vào bú, vào ngực mẹ, một mặt là tìm vú để bú, nhưng mặt khác là muốn áp sát vào da thịt mẹ để được ôm ấp, vỗ về. Có thể nói quan hệ với người mẹ qua xúc giác là quan trọng vào bậc nhất và cũng được xuất hiện sớm nhất, hiện tượng đó gọi là sự gắn bó mẹ - con. Đây là mối quan hệ đầu tiên và quan trọng nhất, tạo điều kiện cho sự phát triển sau này của trẻ. Thiếu đi sự gắn bó mẹ - con này, trẻ sẽ khó phát triển bình thường, ngay cả sự sống còn cũng gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy sau khi sinh nở, cả người mẹ lẫn đứa con đều rất nhạy cảm với sự tiếp xúc gần gũi da thịt và đều có nhu cầu gắn bó với nhau (trừ trường hợp cá biệt). Bởi vậy nhiều bác sĩ nhi khoa chủ trương để cho người mẹ được ôm ấp xoa bóp cho đứa con của mình ngay khi nó mới lột lòng. Klaus và Kernell, hai bác sĩ nhi khoa người Mỹ, từ năm 1970 đã chủ trương để cho người mẹ được ôm ấp, xoa bóp cho con của mình ngay khi nó mới lột lòng, tạo ra kiểu ứng xử đặc biệt giữa mẹ và con ngay sau khi mới sinh như sau: Người ta đặt em bé còn trần truồng trên bụng người mẹ để người mẹ sờ mó, bắt đầu từ những ngón tay, những ngón chân trong khoảng 7-8 phút, sau đó sờ vào thân mình, sờ qua cánh tay, bắp chân, rồi cuối cùng vuốt nhẹ vòng quanh bụng. Hai tác giả này khẳng định rằng cách ứng xử đó là hết sức cần thiết và có tác dụng tích cực. Hai ông cho rằng việc tách con ra khỏi mẹ quá sớm làm tổn thương cho quan hệ gắn bó mẹ - con sau này. Dù chỉ là một chốc lát, sau khi đẻ ra được mẹ xoa bóp, những điều đó có lợi rất lâu dài cho sự phát triển sau này của đứa con. Ở một số nhà hộ sinh ở Mỹ người ta cũng chủ trương chờ mối quan hệ gắn bó mẹ - con này được thiết lập mới tách con ra khỏi mẹ để đưa vào phòng dành riêng cho trẻ. Ở nước ta có một số bệnh viện phụ sản chủ trương thay thế việc nuôi trẻ thiếu tháng trong lồng kính bằng cho mẹ ấp ủ trong lòng. Kết quả là tỷ lệ trẻ sống và phát triển được cao hơn.

Trước đây, nhiều người cứ tưởng là mối quan hệ gắn bó mẹ - con chỉ là một thứ nhu cầu thứ sinh của trẻ, được hình thành trên cơ sở một nhu cầu gốc (tức là nhu cầu ăn uống). Ngày nay qua nhiều công trình nghiên cứu, người ta nhận

ra rằng đây cũng là một nhu cầu gốc, có ngay từ đầu, lúc trẻ mới sinh ra. Ngay ở loài khỉ, nhu cầu này cũng đã xuất hiện rất sớm.

Harlow, một nhà tâm lý học trẻ em Mỹ, đã làm thí nghiệm với một con khỉ mới sinh ra bằng cách tách nó khỏi mẹ đẻ ra nó. Sau đó, ông làm mô hình hai con khỉ giả: Một con bằng thép nhưng lại có bình sữa cho con bú, một con bằng lông khỉ thật nhưng lại không có sữa. Kết quả quan sát cho thấy là khỉ con chỉ tìm bám lấy mẹ giả có lông xù cho dù ở đó chẳng có một giọt sữa nào, mỗi ngày khoảng 15 tiếng đồng hồ, còn khỉ mẹ bằng thép thì khỉ con chẳng buồn đoái hoài đến cho dù có hẳn một bình sữa ngon ở đấy.

Chúng ta có thể đi đến một kết luận rằng: Vắng mẹ từ những ngày đầu mới ra đời là nỗi bất hạnh to lớn nhất đối với trẻ em. Trong trường hợp trẻ bị tách khỏi mẹ quá sớm (do mẹ chết, bị ốm cần phải cách ly hay do một lý do nào khác), thì điều cần thiết là phải giúp cho trẻ tạo ra mối quan hệ gắn bó mẹ - con. Nhu cầu gắn bó lúc này cũng có thể thỏa mãn được bởi người khác, miễn là người đó có lòng yêu thương, sẵn lòng ôm ấp, vỗ về như chính người mẹ của bé.

Lúc mới sinh ra, cái mà trẻ nhận ra đầu tiên chính là mẹ mình. Trước khi nhận ra đồ vật xung quanh thì hình ảnh của mẹ đã in vào đầu óc non nớt của bé làm cho nó gắn bó một cách hết sức tự nhiên với hình ảnh ấy. Mặt mẹ, giọng nói của mẹ, mùi da thịt của mẹ... tất cả những thứ đó tạo ra cho bé một cảm giác an toàn, dễ chịu, mà cuộc sống của trẻ không thể thiếu những thứ đó được.

Trong mối quan hệ gắn bó mẹ - con, ở cả hai phía mẹ và con đều phát ra tín hiệu cho nhau. Tín hiệu của mẹ được biểu hiện ở những cử chỉ, động tác, nét mặt, giọng nói... hướng về đứa con nhằm gọi cho nó phản ứng đáp lại. Ở đứa con, tuy chưa có lời nói hay cử chỉ hướng về mẹ một cách chủ định, nhưng ở trẻ cũng đã có thể phát ra những tín hiệu khiến cho người xung quanh chú ý đến mình như la khóc, vịn mình, cọ quấy chân tay... Nhờ đó mà người lớn, trước hết là người mẹ nhận ra và đáp ứng được nhu cầu của bé như cho bú, thay tã lót, ôm ấp, vỗ về, tạo ra sự gắn bó với trẻ.

Thông qua những tín hiệu phát ra từ mẹ và con, nhiều công trình nghiên cứu đã tổng kết được 4 kiểu quan hệ gắn bó mẹ - con như sau:

* *Kiểu thứ nhất*: Tín hiệu phát ra ở cả mẹ và con đều mạnh, nghĩa là nhu cầu gắn bó của hai mẹ con đều tỏ ra bức thiết. Trong trường hợp này, mối quan hệ gắn bó mẹ - con được thiết lập một cách dễ dàng, thuận lợi. Kiểu này là kiểu phổ biến, thường thấy ở những cặp mẹ con sinh nở bình thường, mẹ tròn con vuông, xuất phát từ lòng ước ao mong đợi của người mẹ đối với sự ra đời của đứa con. Đây không chỉ là niềm hạnh phúc lớn lao đối với bản thân người mẹ, mà còn là điều kiện thuận lợi quý báu cho sự phát triển tốt đẹp sau này của đứa trẻ.

* *Kiểu thứ hai*: Tín hiệu phát ra từ người mẹ thì mạnh mà phát ra từ đứa con thì yếu. Thường thì đây là trường hợp của những trẻ bị thiếu tháng hay khuyết tật bẩm sinh. Trong trường hợp này, người mẹ không nên giao tiếp với con một cách quá mạnh mẽ hoặc hối hả, mà nên giao tiếp nhẹ nhàng, từ tốn. Nên thường xuyên nhìn vào mặt con, trò chuyện âu yếm với nó và kiên trì chờ cho tín hiệu của con đáp lại. Cần chú ý là nếu người mẹ không kiên trì giao tiếp với con và ngừng sự tiếp xúc thường xuyên thì đứa trẻ cũng không phát ra được những tín hiệu nào để đáp lại cả. Bằng tình yêu thương đứa con mà mình đã mang nặng đẻ đau, và bằng lòng kiên trì âu yếm vỗ về con, người mẹ hoàn toàn có thể khơi dậy nhu cầu gắn bó vốn có của đứa trẻ.

* *Kiểu thứ ba*: Tín hiệu của con thì mạnh nhưng tín hiệu của mẹ lại yếu. Kiểu này thường xảy ra ở những người mẹ có con một cách bất đắc dĩ. Trong trường hợp này, người mẹ thường mang tâm trạng riêng tư, chán chường, phiền muộn, dẫn đến thái độ lạnh lùng, thờ ơ với đứa con, không muốn giao tiếp vỗ về âu yếm nó. Vì không nhận được tín hiệu đáp lại của người mẹ, tín hiệu phát ra của đứa trẻ sẽ yếu dần đi, có khi mất hẳn, và trẻ lâm vào tình trạng ủ ê, mệt mỏi, dễ mắc phải chứng bệnh "trầm cảm", tức là không muốn giao tiếp với người xung quanh, không để ý gì đến mọi việc xung quanh. Khắc phục tình trạng này hoàn toàn thuộc về người mẹ. Lòng yêu thương và trách nhiệm đối với đứa con "dứt ruột đẻ ra" có thể được thức tỉnh cái thiên chức làm mẹ vốn sẵn có trong mỗi phụ nữ. Còn nếu vì một lý do nào đó mà người mẹ vẫn thoái thác sự giao tiếp tự nhiên này, không chịu nâng niu vỗ về đứa trẻ do chính mình đẻ ra, thì rất cần thiết có một người nào đó giàu lòng nhân ái nhận thay thế cho người mẹ.

* *Kiểu thứ tư*: Tín hiệu phát ra đều yếu ở cả mẹ và con. Đây thực sự là một tai họa. Cần phải có biện pháp khơi dậy tín hiệu ở cả hai phía. Trường hợp này rất cần sự hỗ trợ tích cực của những người xung quanh, cần cả thầy thuốc lẫn nhà tâm lý học.

Tạo được mối quan hệ gắn bó mẹ - con ngay từ những ngày đầu trẻ mới ra đời là một cách phòng ngừa tốt nhất, tránh cho trẻ nguy cơ chậm phát triển hay phát triển lệch lạc về sinh lý cũng như tâm lý sau này. Một kết luận hết sức quan trọng của tâm lý học hiện đại là nhiều rối loạn tâm lý về sau, kể cả lúc đã trưởng thành, có thể tìm ra nguyên nhân từ những nhiễu loạn trong mối quan hệ gắn bó mẹ - con ở những tháng năm đầu cuộc đời. Những trẻ thiếu sự gắn bó yêu thương của người mẹ từ tấm bé thường luôn sống trong tình cảnh cô đơn, lo lắng và sợ hãi, sau này lớn lên thường mang theo những mặc cảm trong quan hệ với người xung quanh, thậm chí còn có thái độ chống đối thù địch với họ.

Nhu cầu gắn bó mẹ - con làm cơ sở nảy sinh nhu cầu giao lưu giữa trẻ với những người xung quanh. Mới sinh, trẻ chưa đủ phương tiện để giao lưu, nhưng khi trò chuyện với trẻ người mẹ đóng vai trò chủ động, thường xuyên tìm kiếm sự đáp ứng của trẻ để phán đoán xem nó đã tham gia vào sự giao lưu hay chưa. Người lớn, đặc biệt là người mẹ, thường coi những biểu hiện trên nét mặt của trẻ như là đang giao lưu với mình và bắt đầu đối xử với trẻ như là trẻ đã biết giao lưu rồi. Chính nhờ vậy mà đứa trẻ được đưa vào trường giao lưu và giao lưu dần dần trở thành một nhu cầu sống của trẻ và cũng từ đó những phương tiện giao lưu mới được hình thành, đặc biệt quan trọng là những cử động và nét mặt. Biểu hiện ở những phản ứng vận động xúc cảm đặc biệt hướng tới người lớn. Phản ứng này được gọi là *phức cảm hôn hờ*. Phức cảm hôn hờ thể hiện ở chỗ đứa trẻ nhìn chằm chằm vào mặt người lớn, miệng cười toe toét, phát ra những âm nhỏ (gừ gừ), chân tay khua rối rít...khi người lớn cúi xuống nói chuyện âu yếm với nó. Sự biểu hiện này của nhu cầu giao lưu với người lớn là nhu cầu có tính chất xã hội đầu tiên của đứa trẻ. Sự xuất hiện phức cảm hôn hờ cũng là lúc chuyển từ thời kỳ sơ sinh sang thời kỳ mới: Tuổi hài nhi.

II. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ HÀI NHÌ (2 - 15 THÁNG)

1. Giao lưu xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhì

Cuộc sống của trẻ hài nhì hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn: Đói người lớn cho ăn, rét người lớn cho mặc ấm. Người lớn tạo ra những ấn tượng bên ngoài cho trẻ thu nhận.v... Do đó giao lưu với người lớn là một nhu cầu bức thiết của trẻ.

Trong phúc cảm hơn hờ đã thể hiện rõ rệt thái độ xúc cảm tích cực của trẻ đối với người lớn. Trẻ rất vui mừng khi được giao lưu (trực tiếp) với người lớn. Thái độ đó tiếp tục phát triển mạnh suốt trong thời kỳ hài nhì.

Để trẻ cảm thấy dễ chịu người lớn phải đáp ứng nhu cầu giao lưu của trẻ.

- Nếu trẻ không nhận được sự khuyến khích tình cảm thì chúng trở nên thụ động và trong tương lai nó rất khó tiếp xúc với người khác, điều đó sẽ gây trở ngại cho sự hình thành nhân cách sau này.

Giao lưu trực tiếp với người lớn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển tâm lý của trẻ. Đặc biệt là về mặt xúc cảm.

Giao lưu là để thỏa mãn nhu cầu về người khác, một nhu cầu mang tính người sâu đậm. Khi giao lưu, người lớn dịu dàng chuyện trò, hát hò cho trẻ nghe cũng là để kêu gọi lên ở trẻ những xúc cảm đầu tiên về con người.

Từ nhu cầu tiếp xúc da thịt với người lớn - trẻ cảm thấy dễ chịu khi được bế ấm, được nép vào người lớn hoặc được hôn hít, âu yếm (cũng tức là nhu cầu gắn bó) đến giao lưu thực sự với người lớn, khi mà trẻ đã có phương tiện giao lưu (chủ yếu là các cử động) là một bước phát triển rõ rệt từ tuổi sơ sinh đến tuổi hài nhì. Trong giao lưu với người lớn trẻ tiếp nhận được những sắc thái xúc cảm khác nhau của người lớn được biểu hiện qua nét mặt, giọng nói của họ, rồi dần dần trẻ cũng thể hiện được những xúc cảm khác nhau của mình. Trong quan hệ "mẹ-con" (nói rộng ra là người lớn - trẻ) cả hai đều đắm mình trong mối quan hệ yêu thương ấy.

Vào khoảng tháng thứ 6 đến tháng thứ 8, ở trẻ xuất hiện một hiện tượng mới: Lúc có người lạ đến gần trò chuyện với trẻ, trẻ không mỉm cười ngay như trước nữa mà tỏ ra sợ hãi, từ chối không muốn giao lưu, có trẻ cúi mặt xuống,

lấy tay che mặt hoặc chui đầu vào chăn hay là khóc âm lên. Đây là một mốc quan trọng trong quá trình phát triển cảm xúc. Trong những ngày đầu ở trẻ chỉ có một phản ứng cảm xúc thô sơ khi có một nhu cầu nào đó được hoặc không được thỏa mãn. Dần dần phản ứng ấy được phân định rõ nét hơn, trẻ tỏ ra biết sử dụng một số dấu hiệu khác nhau để yêu cầu điều này, điều khác hoặc tỏ ra khó chịu hay sợ hãi.

Hiện tượng sợ hãi đứng trước một người lạ khác với nỗi sợ hãi khi gặp một kinh nghiệm đau đớn, chẳng hạn như khi đã bị tiêm thì sau này thấy ống tiêm trẻ sợ. Còn thấy một người lạ mà sợ hãi lại khác, vì chưa bao giờ có một kinh nghiệm đau đớn gì, đây còn là so sánh giữa hình ảnh người lạ này với hình ảnh quen thuộc của người mẹ bây giờ đã được ghi lại rõ nét. Khi đã hình thành một đối tượng tình cảm rõ nét, trẻ bắt đầu biết quán lấy mẹ. Vì người mẹ không phải là một đối tượng, một vật thể có những thuộc tính vật lý nhất định (hình thù, màu sắc, âm thanh...) như những vật thể khác, mà là đối tượng của tình yêu. Spitz gọi là sự xuất hiện này là mốc cao hơn trong quá trình phát triển. Cùng lúc ấy, sự thuần thục của hệ thần kinh cho phép có những cảm giác rõ rệt hơn, thực hiện được một số vận động, cũng như điều khiển tư thế trong vận động. Như vậy là đã xuất hiện ranh giới giữa bản thân và vật thể xung quanh, cũng tức là xuất hiện một bản ngã thô sơ (cũng có thể gọi là cái "tôi", tuy còn rất mờ nhạt).

Cùng với giao lưu trực tiếp với người lớn, dần dần ở trẻ xuất hiện nhu cầu sờ mó, cầm nắm các đồ vật. Từ đó nhu cầu giao lưu trực tiếp sẽ nhường chỗ cho giao lưu với đồ vật, tức là giao lưu với người lớn để được tiếp xúc với đồ vật, đồ chơi. Thường thường trẻ muốn cầm nắm, sờ mó đồ vật mà người lớn mang đến cho. Lúc này người lớn trở thành khâu trung gian giữa trẻ và đồ vật. Sự giao lưu này dần dần trở thành hoạt động phối hợp giữa người lớn và trẻ em (như cầm tay trẻ gõ vào trống). Với sự giao lưu này người lớn dẫn dắt đưa trẻ đến với thế giới đồ vật và hướng dẫn nó biết hành động với các đồ vật đơn giản (như lắc con xúc xắc, cầm thìa, bát...).

Trong khi hoạt động phối hợp với trẻ, người lớn có thể giúp trẻ biết hành động một cách hợp lý với đồ vật. Nhiều khi gặp khó khăn, đứa trẻ muốn "câu

cứu" người lớn giúp nó giải quyết hành động với một đồ vật nào đó mà nó không làm được như khuấy quả bóng lăn vào gầm giường hay mở nắp ra khỏi hộp...

Nhờ hoạt động phối hợp với người lớn, ở trẻ nảy sinh khả năng bắt chước hành động của người lớn. Khả năng này là điều kiện quan trọng để tiếp thu những điều dạy dỗ của người lớn, mở rộng vốn kinh nghiệm của trẻ.

Khả năng bắt chước những hành động của người lớn được phát triển mạnh trong suốt thời kỳ hài nhi: đến 7,8 tháng đứa trẻ biết chăm chú theo dõi các hành động của người lớn và bắt chước những hành động ấy. Nhưng thông thường trẻ không lặp lại ngay mà phải sau một thời gian nào đó, có khi sau vài giờ. Đến cuối tuổi hài nhi thì sự bắt chước tăng lên rõ rệt, trẻ chải tóc giống mẹ, đọc sách giống bố, lau bàn giống chị.

Rõ ràng hành động của những người lớn xung quanh đã ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành những phẩm chất tâm lý của trẻ. Việc bắt chước một người lớn nào đó (thường là người lớn trong nhà), khiến cho thái độ của trẻ đối với sự vật và với những người xung quanh gần như lệ thuộc vào thái độ của người lớn đó. Người đó yêu thích cái gì thì trẻ cũng yêu thích cái nấy. Như vậy là quan hệ của trẻ đối với hiện thực ngay từ đây đã là quan hệ xã hội.

Trong quá trình giao lưu, người lớn luôn luôn hướng dẫn, uốn nắn hành vi của trẻ. Nụ cười tỏ vẻ bằng lòng hoặc cau mặt tỏ vẻ không đồng ý của người lớn khiến đứa trẻ có thể nhận ra là hành vi của mình đúng hay không đúng. Bằng con đường đó, đứa trẻ dần dần hình thành được những thói quen tốt và học được cách ứng xử đúng đắn.

Tất nhiên trẻ chỉ sẵn sàng giao lưu với người lớn khi nó cảm thấy an toàn và thoải mái về tình cảm. Người lớn càng gọi ra nhiều xúc cảm để chịu bao nhiêu thì đứa trẻ càng thích giao lưu bấy nhiêu. Quan hệ giữa đứa trẻ với người lớn lúc này là một quan hệ gắn bó đặc biệt. Nếu trước đây còn nằm trong bụng mẹ, thai nhi và người mẹ cộng sinh về mặt sinh lý, thì bây giờ hài nhi và người mẹ lại cộng sinh về mặt xúc cảm (H.Wallon). Trẻ em cần có sự ấp ủ thương yêu của người mẹ (nói rộng ra là người lớn). Được thương yêu, đứa trẻ sẽ có được một đời sống tâm lý ổn định, bình yên, để phát triển về nhiều mặt. Ngược lại không có sự gắn gũi yêu thương, em bé phải sống trong cảnh cô quạnh, luôn

luôn sợ hãi, lớn lên sẽ mang nhiều mặc cảm khi tiếp xúc với người xung quanh và nhiều em đã mắc phải "căn bệnh cách ly" (hospitalisme). Những em bé này thường ở trạng thái buồn rầu, ủ dột, ngại giao lưu và do đó rất chậm phát triển.

Rõ ràng trong suốt thời kỳ hài nhi nếu không có sự tiếp xúc với người lớn thì sự phát triển tâm lý của trẻ sẽ không thực hiện được. Giao lưu với người lớn được coi là điều kiện tiên quyết để trẻ lớn lên thành người.

2. Sự phát triển vận động, hành động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh

"Ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi". Có thể coi là sự đúc kết của nhân dân ta về quá trình phát triển vận động từ thấp đến cao của đứa trẻ trong năm đầu tiên. Cùng với sự vận động ấy, đứa trẻ còn biết sờ mó, cầm nắm các đồ vật xung quanh rồi hành động với chúng như ném xuống đất hay gõ vào nhau. Tất cả những vận động và hành động đó (manipulation) là bậc thang đầu tiên để dần dần trẻ có thể nắm được những hình thức hành vi của con người.

Sự tiến bộ của những vận động và hành động của trẻ hoàn toàn phụ thuộc vào sự hướng dẫn của người lớn. Nếu người lớn thường xuyên chú ý tới trẻ và tổ chức hành động cho trẻ thì việc di chuyển trong không gian (như bò, đi chập chững) và việc cầm nắm các đồ vật và hành động với chúng có những bước tiến bộ rõ rệt và đóng vai trò tích cực trong sự phát triển tâm lý.

Bò là cách vận động đầu tiên của trẻ. Khoảng chừng 7 - 8 tháng trẻ bắt đầu biết bò. Lúc này trẻ cố gắng vươn tới đồ vật đang thu hút nó. Thoạt tiên là trườn, sau đó là bò lồm cồm cả hai chân hai tay. Trước khi biết đi, trẻ phải trải qua một thời gian dài để học cách đứng dậy trên hai chân có vịn rồi không cần vịn tay, đi men rồi sau đó chập chững từng bước một. Quá trình này không diễn ra một cách tự nhiên mà rất cần sự giúp đỡ của người lớn. Thông thường trẻ không tự đi mà dễ thích nghi với động tác bò (là hình thái vận động đặc trưng của động vật). Vì vậy người lớn cần tán thưởng thường xuyên khi trẻ học đi để việc đi theo tư thế đứng thẳng được thẳng thớm.

Trong những tháng đầu tiên trẻ khám phá môi trường xung quanh bằng thị giác, thính giác và cả vị giác. Sau tháng thứ ba, trẻ bắt đầu dùng 2 tay để sờ mó

đồ vật. Hai bàn tay tạo ra những ấn tượng xúc giác về đồ vật giúp cho trẻ biết được vài đặc tính đơn giản của chúng.

Đến tháng thứ tư trẻ bắt đầu nắm lấy đồ vật. Nhiều khi trẻ nắm chắc trong tay một đồ vật hồi lâu, tuy vậy trẻ vẫn chưa làm chủ hoàn toàn hành động nắm.

Từ tháng thứ sáu trở đi thì động tác nắm được cải thiện hơn, bàn tay hướng về phía đồ vật, ngón tay cái đối lập với các ngón tay khác, nhờ đó trẻ đã cầm đồ vật bằng các ngón tay. Càng về cuối năm động tác nắm chính xác hơn: Vị trí của các ngón tay dần dần thích hợp với các kiểu đồ vật (quả bóng được cầm nắm bằng những ngón tay xoè rộng, khi cầm khối vuông thì các ngón tay đặt theo gờ cạnh...).

Một khi đứa trẻ có thể cầm nắm đồ vật trong tay thì nó bắt đầu thao tác với đồ vật bằng tay. Những thao tác đầu tiên rất đơn giản như cầm lấy rồi buông ra. Sau đó thao tác trở nên phức tạp hơn, tạo ra những kết quả nhất định như đẩy đồ vật ra xa hay xích lại gần, làm cho con lật đật nghiêng ngửa kêu loong coong hoặc xô búp bê ngã xuống. Khi trẻ nhận ra kết quả đó thì nó lặp đi lặp lại động tác đó một cách thích thú, có khi còn làm lại động tác đó vào đồ vật khác.

Những thao tác bằng tay của trẻ đối với đồ vật tiến bộ rất nhanh. Từ chỗ chú ý của trẻ chỉ hướng tới đồ vật đến chỗ biết chú ý tới kết quả. Nhờ đó sự định hướng vào đồ vật và không gian xung quanh rõ ràng hơn. Lúc đầu sự định hướng này còn mang tính chất hỗn hợp, chưa phân biệt được các phương diện khác nhau, nhưng đó là cơ sở để phát triển tâm lý. Các quá trình tâm lý (như quan sát, tư duy, trí nhớ.v.v...) không phải là bẩm sinh mà chỉ được nảy sinh và phát triển dần dần trong quá trình trẻ làm quen với thế giới xung quanh chủ yếu là bằng vận động và thao tác với các đồ vật.

Khi trẻ bắt đầu thực hiện các vận động và thao tác với đồ vật thì các giác quan của trẻ phát triển mạnh hơn và có thêm nhiệm vụ mới là bắt đầu điều khiển, điều chỉnh đôi chút chính những vận động và thao tác của trẻ. Chỉ là đôi chút thôi, vì tuy nhận được ấn tượng từ đồ vật, nhưng trẻ vẫn chưa thể phân biệt được sự khác nhau và ý nghĩa của những ấn tượng đó.

Có thể nói rằng sự định hướng của trẻ vào thế giới xung quanh trước hết bằng sự vận động và thao tác với đồ vật, trên cơ sở đó mà làm phát triển các quá trình tâm lý, rồi sau mới có sự định hướng bằng các quá trình tâm lý.

Ta có thể nhìn thấy đứa trẻ làm quen với không gian như thế nào qua cách trẻ hoàn thiện những cử động của cánh tay hướng về một đồ vật mà nó thích thú. Trong giai đoạn phát triển đầu thì mắt có thể nhìn thấy đồ vật, nhận các ấn tượng từ đồ vật đó, song chưa thể xác định được khoảng cách và phương hướng. Tay của trẻ chưa hướng ngay được về phía đồ vật mà dường như chỉ quờ vào không khí, ít khi nhằm trúng được đích. Trong lúc đó mắt dõi theo các cử động của tay và bắt đầu nhận thấy đồ vật ở xa hay gần, rồi mới tham gia vào việc điều chỉnh cử động của tay cho phù hợp. Hành động làm chủ không gian bằng tay (hướng tới đồ vật) diễn ra sớm hơn rất nhiều so với sự xác định khoảng cách và phương hướng bằng mắt. Ngoài 6 tháng, ta nhận thấy khi đưa tay tiếp cận đồ vật, mắt trẻ đã biết nhìn theo tay và cuối cùng biết được vị trí của đồ vật đó. Cho đến tròn một năm thì mắt của trẻ mới xác định chính xác vị trí của đồ vật trong không gian và mới điều khiển, điều chỉnh cử động của tay một cách chính xác hơn.

Quá trình cầm nắm và thao tác bằng tay với đồ vật giúp trẻ biết được các thuộc tính khác nhau của chúng như hình dáng, trọng lượng, độ dày, độ cứng... do đó trẻ có thể thay đổi các ngón tay cho thích hợp với các đồ vật ấy. Như vậy là đồ vật đã "bắt buộc" bàn tay và sau đó cả mắt nữa phải tính đến các đặc tính của nó. Đến 10 hoặc 11 tháng trẻ đạt tới trình độ là chỉ mới nhìn vào đồ vật mà nó định cầm, các ngón tay đã mở ra theo hình dạng thích hợp với đồ vật, có nghĩa là tri giác bằng mắt về hình dạng và kích thước của đồ vật tự nó đã điều khiển được hoạt động thực tiễn của trẻ.

Từ khi trẻ biết hướng tới kết quả của động tác với đồ vật thì cũng đồng thời phát hiện được những thuộc tính của chúng, đồ vật có thể di chuyển, có thể rơi, có thể phát thành tiếng, có thể bóp méo, cứng hay mềm, gộp lại với nhau hay tách xa nhau.v.v... Nhưng trẻ chỉ biết được tính chất này khi đang thao tác với các đồ vật và nếu ngừng lại thì "kiến thức" ấy cũng biến mất.

Về cuối năm, sau khi trẻ đã nhiều lần được trực tiếp thao tác với đồ vật và nhiều lần "ghi lại" ấn tượng về nó, thì lúc đó ở trẻ, đồ vật mới bắt đầu trở thành một sự tồn tại thường xuyên với những thuộc tính ổn định.

Cần chú ý rằng quá trình phát triển vận động, thao tác với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh tự trẻ không thể thực hiện được mà phải có sự hướng dẫn kích thích về tình cảm và trí tuệ của người lớn. Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng nếu trẻ bị biệt lập khỏi thế giới người lớn thì con đường lớn lên thành người cũng bị tắc nghẽn. Cũng cần nhớ rằng bên cạnh những động tác tích cực làm cơ sở cho sự phát triển của trẻ ta còn thấy có nhiều cử động tiêu cực không có lợi cho sự phát triển như mút tay hoặc là sờ nắm các bộ phận của cơ thể mình, gây nên ở trẻ một trạng thái thụ động, không muốn nhìn, nghe, hay cầm nắm, thao tác với đồ vật xung quanh, dẫn đến sự chậm phát triển. Do đó người lớn cần tạo ra những kích thích, làm kêu gọi ở trẻ những động tác tích cực đối với đồ vật xung quanh làm mất đi những cử động tiêu cực nói trên.

Nhờ người lớn hướng dẫn, tổ chức sự vận động và thao tác với đồ vật, đứa trẻ đã có những biểu tượng đầu tiên về thế giới xung quanh làm xuất hiện những hình thái đầu tiên của hoạt động tâm lý giúp trẻ định hướng được vào thế giới này và tạo nên những tiền đề để trẻ tiếp nhận các loại kinh nghiệm lịch sử - xã hội khác nhau ở những giai đoạn sau này.

Quá trình nhận biết một đối tượng như là một vật thể khách quan tồn tại thường xuyên có những thuộc tính nhất định cũng được Piaget nghiên cứu, theo ông sự nhận biết ấy được hình thành qua một quá trình kéo dài từ lọt lòng đến 18 tháng với 6 giai đoạn:

- Hai giai đoạn đầu là phản xạ, rồi một số vận động được lặp đi lặp lại thành quen thuộc (chủ yếu ở trẻ sơ sinh).
- Giai đoạn 3: Xuất hiện phản ứng quay vòng, một vận động tạo ra một kết quả, như lắc một đồ vật tạo ra tiếng kêu rồi lắc lại để tìm nghe tiếng kêu ấy, trẻ lắc lại đồ vật đó.
- Giai đoạn 4: Đang tìm một vật gì, thấy vật đó biến mất trẻ có ý tìm nhưng không có hướng tìm.

- Giai đoạn 5: Đang tìm một vật gì, thấy biến mất, tìm ngay chỗ mà trẻ thấy đồ vật biến mất.

- Giai đoạn 6: Dù có thấy hay không đồ vật khi biến mất, trẻ vẫn tìm. So với con vượn thì đến đây trẻ đã vượt hơn vượn.

Lúc này nhận ra đối tượng là một phức hợp nhiều cảm giác. Quá trình này Piaget đã mô tả như việc xây dựng một tòa nhà, hết tầng này đến tầng khác. Người ta có cảm tưởng như một trình tự có sẵn. Thực ra trong quá trình đó cảm xúc có tác động rất lớn, cảm xúc đã quyện vào đó.

3. Hình thành những tiền đề của việc lĩnh hội ngôn ngữ

Nhu cầu giao lưu với người lớn và sự định hướng vào môi trường xung quanh ngày càng tăng đã làm nảy sinh khả năng nói năng ở trẻ. Khi giao lưu, trẻ bắt chước những âm thanh trong lời nói của những người xung quanh. Đứa trẻ thường thích thú chăm chú lắng nghe lời người lớn nói với mình. Gần 3 tháng, một đứa trẻ bình thường có thể phát ra những âm thanh nhỏ "gừ, gừ". Những âm thanh này trở nên mạnh hơn khi được người lớn cúi xuống "trò chuyện". Trong khi giao lưu với người lớn đứa trẻ có thể bắt chước những âm thanh mà người lớn thường ru nó hay nựng nó. Thỉnh thoảng ta có thể bắt gặp những âm thanh ê a trong mồm đứa trẻ theo nhịp điệu "à ời" hay "âu ơ" trong lời ru của người lớn.

Cuộc "trò chuyện" giữa người lớn với trẻ hài nhi nhìn bề ngoài tưởng chừng như vô nghĩa, nhưng thực ra nó đã kêu gọi ở trẻ trạng thái cảm xúc tích cực, sự thích thú được giao lưu với người lớn và bắt đầu có những phản ứng đáp lại với những sắc thái tình cảm khác nhau trong lời nói của người lớn. Trẻ thường nhoẻn miệng cười khi nghe thấy những âm thanh vui vẻ và thường mếu máo khi nghe những âm thanh dữ tợn như mắng mỏ hay quát tháo.

Càng về cuối năm đứa trẻ lại càng thích giao lưu với người lớn hơn bằng những âm bập bẹ của mình. Nếu được người lớn đáp ứng thì đứa trẻ càng thích thú phát ra nhiều âm thanh bập bẹ hơn. Âm bập bẹ này có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự phát triển ngôn ngữ sau này. Trong tiếng bập bẹ trẻ học cách sử dụng môi, lưỡi và hơi thở để chuẩn bị cho việc học nói.

Sự thông hiểu lời nói của trẻ xuất hiện trên cơ sở của việc phối hợp hoạt động của tri giác nhìn và nghe. Quá trình dạy trẻ thông hiểu lời nói thường diễn ra như sau: Người lớn hỏi trẻ: "Cái gì đây? Ở đâu?" như "Mẹ đâu", "Bố đâu?", "Cái mũ đâu?", "Con mèo đâu?" v.v... Những câu hỏi đó gây ra ở trẻ phản ứng định hướng và đưa trẻ bắt đầu tìm kiếm. Lúc đầu người lớn cần chỉ ra đối tượng cho trẻ nhìn thấy, sau đó cần lặp đi lặp lại nhiều lần quá trình đó, kết quả là hình thành được mối liên hệ giữa các âm thanh trong câu hỏi và đối tượng mà người lớn chỉ cho.

Lúc đầu, trẻ hài nhi nghe ngôn ngữ như những âm thanh nào đó. Ngữ âm là yếu tố đầu tiên quyết định thái độ phản ứng của trẻ cũng tức là quyết định sự hiểu ngôn ngữ của trẻ. Chẳng hạn khi người lớn nói với trẻ câu "Lại đây với bác!" với ngữ điệu nặng nề, nghe như giận dữ thì đứa trẻ tỏ ra sợ hãi, meo mào hoặc là khóc. Nhưng vẫn câu "Lại đây với bác" mà lại nói với trẻ bằng ngữ điệu trìu mến, âu yếm thì đứa trẻ sẽ nhoeo miệng cười và đưa tay ra.

Cuối tuổi hài nhi, mối liên hệ giữa tên đối tượng và chính bản thân đối tượng trở nên rõ ràng và phong phú hơn. Đó là hình thức đầu tiên của sự thông hiểu ngôn ngữ. Lúc này trẻ có thể chỉ ra đúng đối tượng mà người lớn hỏi. Nhưng điều quan trọng đối với trẻ không phải là việc tìm kiếm đúng đối tượng, mà quan trọng là sự tìm kiếm đó cốt là để giao lưu với người lớn. Cứ mỗi lần được người lớn khích lệ thì đứa trẻ hết sức vui mừng, làm thỏa mãn nhu cầu giao lưu.

Như vậy trong quá trình giao lưu xúc cảm trực tiếp với người lớn sự thông hiểu ngôn ngữ của trẻ dần dần mang tính chất tích cực hơn và trở thành một trong những phương tiện quan trọng để mở rộng khả năng giao lưu của trẻ với những người xung quanh.

Tóm lại, sự phát triển của trẻ trong năm đầu tiên tuy còn đơn sơ nhưng rất quan trọng, song song với việc tiến tới độc lập về mặt sinh học của con người, ở giai đoạn này chủ yếu là tạo ra những tiền đề cần thiết để sau này hình thành nên những chức năng tâm lý của con người.

Câu hỏi ôn tập

1. Nêu sự khác nhau căn bản giữa trẻ sơ sinh với con vật non?
2. Các nhu cầu sinh học (về ăn, uống, về nhiệt độ...) có phải là tiền đề của sự phát triển tâm lý của trẻ không? Vì sao? Cho thí dụ minh họa.
3. Nhu cầu tiếp nhận ấn tượng từ thế giới bên ngoài được hình thành như thế nào ở trẻ sơ sinh? Cho thí dụ minh họa. Đề ra biện pháp để phát triển nhu cầu này ở trẻ.
4. Sự gắn bó của trẻ với người lớn giữ vai trò như thế nào trong sự phát triển của trẻ sơ sinh.
5. Vì sao nói giao lưu xúc cảm trực tiếp là hoạt động chủ đạo của tuổi hài nhi?
6. Trình bày quá trình hình thành những tiền đề lĩnh hội ngôn ngữ ở trẻ hài nhi dưới ảnh hưởng giao lưu xúc cảm trực tiếp? Cho thí dụ minh họa.
7. Sự phát triển vận động và thao tác với đồ vật và sự định hướng vào môi trường xung quanh ở trẻ hài nhi có những đặc điểm nổi bật gì? Cho thí dụ minh họa.

Bài tập thực hành

1. Bằng phương pháp quan sát hãy tìm hiểu và mô tả lại những hành vi biểu hiện về nhu cầu gắn bó với người lớn và phức cảm hỗn hởi của trẻ sơ sinh.
2. Ghi chép các âm trẻ phát ra trong nửa năm cuối của trẻ hài nhi. Phân tích nguyên nhân, ý nghĩa của sự phát triển ấy.
3. Bằng lý luận và quan sát thực tế hãy giải thích và chứng minh vai trò chủ đạo của giao lưu xúc cảm trực tiếp đối với sự phát triển của trẻ hài nhi.

Chương 13

ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ ẤU NHI (15 - 36 THÁNG)

I. SỰ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG VÀ VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ ẤU NHI

1. Hoạt động đối với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi

Ngay trong thời kỳ hài nhi, trẻ đã thực hiện những hành động khá phức tạp với đồ vật, nhưng những hành động của trẻ hài nhi với đồ vật chỉ là để nghịch, để chơi chứ chưa nhằm vào việc khám phá chức năng và phương thức sử dụng nó. Do đó trẻ chơi nghịch với cái thìa cũng chẳng khác gì với cái que, cái bút.

Khi bước sang tuổi hài nhi, mối quan hệ giữa trẻ với thế giới đồ vật có sự thay đổi đáng kể. Đồ vật đối với trẻ nó không chỉ là để chơi, để nghịch mà nó còn chứa đựng chức năng nhất định và phương thức sử dụng nhất định được củng cố đằng sau sự vật đó trong kinh nghiệm xã hội. Thí dụ: Cái thìa dùng để xúc cơm, nó có cách cầm nhất định; cái cốc dùng để uống nước cũng có cách cầm phù hợp với nó. Ở trẻ ấu nhi có sự chuyển chú ý của mình sang việc nắm cách hành động với đồ vật khác nhau, lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử xã hội chứa đựng trong đó - hoạt động này được gọi là hoạt động với đồ vật.

Chức năng của đồ vật là thuộc tính tiềm tàng, thuộc tính này không thể phát hiện bằng hành động chơi nghịch đơn giản. Chỉ có người lớn mới vạch ra cho trẻ thấy được chức năng của đồ vật dưới hình thức hợp tác, hoạt động cùng với trẻ và hỗ trợ, hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật.

Ở trẻ ấu nhi hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo vì nhờ có hoạt động này mà chức năng của đồ vật lần đầu tiên bộc lộ ra trước trẻ và đồ vật trở thành đối tượng thu hút sự chú ý của trẻ. Chẳng hạn khi trẻ khát nước người lớn lấy

cốc rót nước đưa cho trẻ uống, dần dần mỗi khi khát nước trẻ lại đòi lấy cốc, người lớn mang cốc nước đến trẻ mừng rỡ và đưa cốc lên miệng uống. Như vậy trẻ đã biết được chức năng sử dụng của cái cốc và phương thức hành động với nó. Khi trẻ đã nắm được phương thức hành động với một số đồ vật, sự định hướng của trẻ vào thế giới đồ vật có một bước phát triển mới, khi gặp bất cứ đồ vật nào mới lạ, trẻ không chỉ muốn biết “đó là cái gì ?” mà còn muốn biết “có thể làm gì với cái này ?”... Vì vậy khiến trẻ hăng hái hành động với chúng, tháo dỡ cái này, lắp cái này vào cái nọ, vặn cái kia, chồng cái này lên cái kia... Nếu được sự hướng dẫn thường xuyên của người lớn trẻ sẽ nhanh chóng nắm được phương thức hành động theo kiểu người - Đây chính là nội dung quan trọng trong quá trình trẻ học làm người. Nhờ vậy mà tâm lý của trẻ phát triển mạnh. Đặc biệt là trí tuệ.

Việc trẻ lĩnh hội các chức năng của đồ vật khác hẳn với hình thức bắt chước mà ta thấy ở con khỉ. Chẳng hạn con khỉ học uống nước bằng cốc, khi nó muốn uống nước và nhìn thấy nước trong cốc thì nó uống trong đó, nhưng nó cũng có thể uống nước như vậy ở trong xô, trong chậu... miễn là được uống nước và khi uống được nước xong nó coi đồ vật đó như những đồ vật khác và hành động với chúng một cách khác nhau như ném, đập vào vật khác. Còn đứa trẻ lĩnh hội chức năng cố định của đối tượng mà xã hội đã củng cố ở đằng sau chúng và không thay đổi theo nhu cầu. Điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa rằng sau khi lĩnh hội được hành động có đối tượng nào đó trẻ luôn sử dụng theo đúng chức năng của nó, mà nó muốn hành động với đồ vật một cách tự do hơn. Chẳng hạn, khi đứa trẻ biết hành động với cái thìa dùng để xúc cơm, đồng thời trẻ có thể lấy thìa chọc xuống đất, dùng nó để đào đất. Nhưng quan trọng hơn là đứa trẻ biết chức năng chân chính của nó, chẳng hạn đứa trẻ hai tuổi lấy đôi giày đội lên đầu và nó cười một cách tinh nghịch, vì nó hiểu rằng hành động đó không phù hợp với chức năng của cái giày.

Điều quan trọng là khi lĩnh hội các hành động sử dụng đồ vật trong sinh hoạt hàng ngày thì đồng thời trẻ lĩnh hội được những quy tắc hành vi trong xã hội gắn liền với đối tượng đó. Thí dụ: Khi bực tức đứa trẻ ném cốc uống nước xuống đất nhưng trẻ tỏ ra sợ sệt và nhìn vào mặt người lớn vì nó biết đã vi